



TOOL HOLDERS





Hotline: 1900.98.99.06

MỤC LỤC

TABLE OF CONTENT

GIỚI THIỆU ABOUT US	03
LỢI THẾ KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG TECHNICAL AND QUALITY ADVANTAGES	04
DÒNG BT/BBT BT/BBT TOOL HOLDER SERIES	05
DÒNG HSK HSK TOOL HOLDER SERIES	17



VỀ CHÚNG TÔI

ABOUT US

Đầu kẹp dao phay PMW là sản phẩm do Công ty Xishui Keijcheng Co., Ltd sản xuất riêng tại thị trường Việt Nam và được cung cấp bởi **TULOCTECH**. Sishui Ke đang là đơn vị nghiên cứu và sản xuất đầu kẹp dao phay có chất lượng cao, độ chính xác cao hàng đầu tại thị trường Trung Quốc.

Các sản phẩm của công ty đang được phân phối rộng khắp thế giới, với hàng ngàn khách hàng tin tưởng lựa chọn. Trong đó Luke - Một thương hiệu đầu kẹp dao phay được Sishui Ke sản xuất riêng cho thị trường Trung Quốc đang có mặt ở nhiều nước trên thế giới.

Đầu kẹp dao phay PMW được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại và trải qua quá trình kiểm duyệt chất lượng nghiêm ngặt. Do đó, các sản phẩm đều đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo độ bền cao, chống rỉ sét tốt, cứng chắc, duy trì trạng thái kẹp ổn định trong điều kiện cắt tốc độ cao và nặng. Trong quá trình gia công sẽ giảm độ lệch và độ rung của dụng cụ, cải thiện độ chính xác và chất lượng bề mặt phôi, cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất.

TULOCTECH đang cung cấp BT thương hiệu PMW với đa dạng mẫu mã có độ chính xác cao và chất lượng cao với công nghệ kẹp tiên tiến và khả năng sản xuất chuyên nghiệp và trưởng thành. Cung cấp các giải pháp tốt nhất để đáp ứng các yêu cầu khác nhau của khách hàng là mục tiêu liên tục của chúng tôi.

PMW milling cutter chuck is a product manufactured exclusively by Xishui Keijcheng Co., Ltd in the Vietnamese market and exclusively distributed by TULOCTECH. Sishui Ke is currently the leading research and production unit of high-quality, high-precision milling cutter chuck in the Chinese market.

The company's products are being distributed worldwide, with thousands of customers trusting and choosing. In which, Luke – A milling cutter chuck brand manufactured exclusively by Sishui Ke for the Chinese market is present in many countries around the world.

PMW milling cutter chucks are manufactured on modern technological lines and undergo strict quality control. Therefore, all products meet international standards, ensuring high durability, good rust resistance, rigidity, and maintaining a stable clamping state under high-speed and heavy cutting conditions. During the machining process, tool deflection and vibration will be reduced, accuracy and surface quality of the workpiece will be improved, and production efficiency will be significantly improved.

PMW is providing full range of high precision and high quality BT with advanced clamping technology and professional and mature manufacturing ability. Providing the best solutions to meet different requirements of customers is our constant pursuit.

Hotline: 1900.98.99.06

LỢI THẾ KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG

TECHNICAL AND QUALITY ADVANTAGES



- Vật liệu thép đặc biệt nhập khẩu từ Thụy Sĩ;
- Nhà máy xử lý nhiệt Hitachi Metals Yuhua;
- Xử lý lạnh cực sâu ở **-198 °C**

Đảm bảo mỗi sản phẩm đều có độ dẻo dai cao, chống mài mòn và ổn định

- *Special steel materials imported from Switzerland;*
- *Hitachi Metals Yuhua Heat Treatment Plant;*
- *Ultra-deep cold treatment at **-198 °C***

Ensure each product has high toughness, abrasion resistance and stability



- Các quy tắc phát hiện hình nón của **DIEBOLD** của Đức
- Trục chính HSD của Ý

Đảm bảo rằng mỗi sản phẩm có độ chính xác hình nón, phù hợp hình nón $\geq 95\%$

- *German **DIEBOLD** cone detection rules*
- *Italian HSD spindle*

Ensure that each product has cone accuracy, cone fit $\geq 95\%$



Máy cân bằng độ **HAIMER** của Đức

Đảm bảo rằng mỗi sản phẩm đã vượt qua các bước kiểm tra cân bằng động. Hỗ trợ hoạt động tốc độ cao.

*German **HAIMER** leveling machine*

Ensure that each product has passed dynamic balance testing. Support high-speed operation.



Máy Mitutoyo Profile Nhật Bản

Đảm bảo rằng mỗi sản phẩm đã vượt qua các bước kiểm tra đường viền

Mitutoyo Profile Machine Japan

Ensure that each product has passed the contour inspection steps

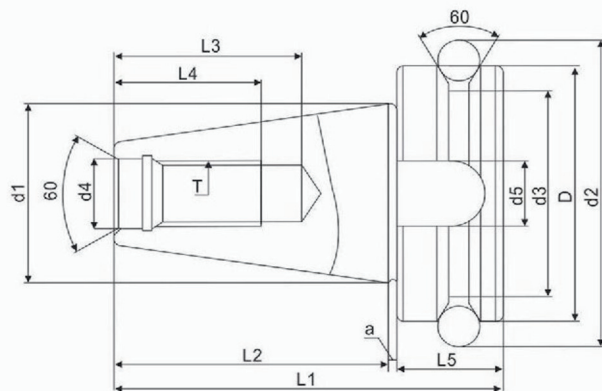


Đồng hồ đo độ tròn Mitutoyo Nhật Bản

Đảm bảo rằng mỗi sản phẩm đã vượt qua các bước kiểm tra về tính đồng tâm, độ tròn...

Mitutoyo Japan Roundness Gauge

Ensure that each product has passed the tests for concentricity, roundness...



Unit: mm

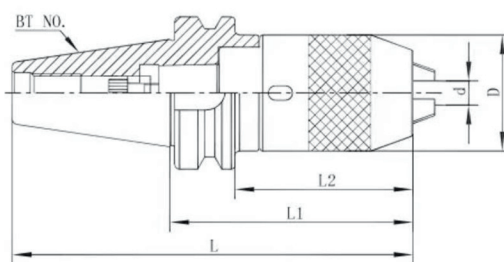
Model No	D h8	d1	d2	d3	d4 H8	d5 H12	d6	L1	L2 0.2	L3 Min	L4 Min	L5	a 0.4	T 6H
BBT30	46	31.75	56.14	38	12.5	16.1	8	70.4	48.3	34	24	21	1	M12*1.75P
BBT40	63	44.45	75.679	53	17	16.1	10	92.4	65.4	70	30	26	1	M16*2.0P
BBT50	100	69.85	119.02	83	25	25.7	15	139.8	101.8	90	45	36.5	1.5	M24*30P

FEATURES:

- TAPER TOLERANCE AT3
- BASIC MATERIAL: JIS-SCM415
- HARDNESS > HRC 56° CARBON DEPTH > 0.8MM
- ROUNDNESS < 0.8UM
- SURFACE ROUGHNESS: RA<0.5UM
- IF IT IS SUITABLE FOR CENTER COOLANT STANDARD (DIN-69871-AD OR B), IT CAN BE ORDERED
- ER, EOC, FMA, FMB, MLC, MLD, MLT, SCK, SFC, SKS, SLN (DIN, FID, JIS), SOM, TG ARE IN COMPLIANCE WITH: WATER THROUGH THE CHUCK BODY CENTER TYPE (DIN-68971-AD)
- THE SHANK HAS PRE-BALANCE AT G6.3, AND CAN PROVIDE PRECISION BALANCE AT G2.5, MADE BY REQUEST
- SHANK BODY STANDARD: BIG-PLUS

APU | Keyless Drill Chuck Tool Holder

- The handle and the chuck is combined, even for heavy cutting processing, chuck will not fall off Fast, easy operation, high safety.
- Fast, easy operation, high safety

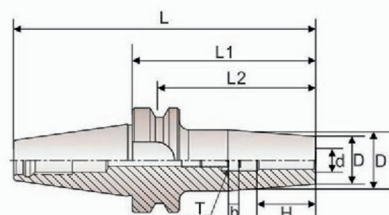


Unit: mm

Model No	L	L1	D	d
BBT30	APU08-80	128.4	80	38
	APU13-100	148.4	100	50
BBT40	APU08-80	145.4	80	38
	APU13-100	175.4	110	50
	APU16-100	175.4	110	58
BBT50	APU13-120	221.8	120	50
	APU13-180	281.8	180	50
	APU16-120	221.8	120	58
	APU16-180	281.8	180	58

SF | Shrink Fit Tool Holder

- Special heat-resistant steel for testing at temperatures exceeding 600°C.
- After tool exchange, the clamping force, concentricity and repetition accuracy are unchanged up to 5.000 times. Please refer to the following specification of the heater for the knife sample
- All-round clamping tool to show the best rigid torque
- Tool life is increased by 50% to 400%
- The thin design of the clamping part reduces interference and simplifies the machining process.
- See below for specifications of tool bar heater
- Tools limited to h6 tungsten steel tools
- The skew of the clamping tool at 3D is less than 0.003mm

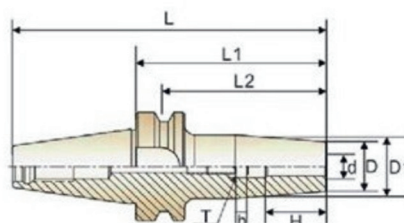


Unit: mm

Model No	Clamping Range	L	L1	L2	D	D1	H	h	T	Weight (kg)	Model No	Clamping Range	L	L1	L2	D	D1	H	h	T	Weight (kg)
BBT30-SF03-80	3	128.4	80	54	10	16	9	-	-	0.35	-SF08-200	8	265.4	200	169	21	27	26	10	M6	2.45
-SF04-80	4	128.4	80	54	10	16	12	-	-	0.45	-SF10-90	10	55.4	90	59	24	32	32	10	M6	1.25
-SF05-80	5	128.4	80	54	10	16	15	-	-	0.55	-SF10-120	10	185.4	120	89	24	32	32	10	M6	1.65
-SF06-80	6	128.4	80	55	21	27	26	10	M5	0.65	-SF10-160	10	225.4	160	129	24	32	32	10	M6	2.35
-SF08-80	8	128.4	80	55	21	27	26	10	M6	0.6	-SF10-200	10	265.4	200	169	24	32	32	10	M6	3.05
-SF10-80	10	128.4	80	55	24	32	32	10	M6	0.75	-SF12-90	12	55.4	90	59	24	32	37	10	M8	2.8
-SF12-80	12	128.4	80	55	24	32	37	10	M6	0.7	-SF12-120	12	185.4	120	89	24	32	37	10	M8	1.9
-SF14-90	14	128.4	80	55	27	34	37	10	M6	0.95	-SF12-160	12	225.4	160	129	24	32	37	10	M8	3
-SF16-80	16	128.4	80	55	27	34	40	10	M8	0.7	-SF12-200	12	265.4	200	169	24	32	37	10	M8	3.9
-SF18-90	18	138.4	90	66	33	42	40	10	M8	1.05	-SF14-90	14	55.4	90	59	27	34	37	10	M8	2.95
-SF20-90	20	138.4	90	67	33	42	12	10	M8	1.15	-SF14-120	14	185.4	120	89	27	34	37	10	M8	3.3
BBT40-SF03-90	3	155.4	90	58	10	16	9	-	-	0.4	-SF14-160	14	225.4	160	129	27	34	37	10	M8	3.7
-SF03-120	3	185.4	120	88	10	16	9	-	-	0.5	-SF14-200	14	265.4	200	169	27	34	37	10	M8	4.15
-SF04-90	4	55.4	90	58	10	16	12	-	-	1.05	-SF16-90	16	55.4	90	59	27	34	40	10	M8	3.1
-SF04-120	4	185.4	120	88	10	16	12	-	-	1.2	-SF16-120	16	185.4	120	89	27	34	40	10	M8	3.5
-SF05-90	5	55.4	90	58	10	16	15	-	-	1.4	-SF16-160	16	225.4	160	129	27	34	40	10	M8	3.9
-SF05-120	5	185.4	120	88	10	16	15	-	-	1.6	-SF16-200	16	265.4	200	169	27	34	40	10	M8	4.35
-SF06-90	6	55.4	90	59	21	27	26	10	M5	1.15	-SF18-90	18	55.4	90	60	33	42	40	10	M8	3.3
-SF06-120	6	185.4	120	89	21	27	26	10	M5	1.3	-SF18-120	18	185.4	120	90	33	42	40	10	M8	3.8
-SF06-160	6	225.4	160	129	21	27	26	10	M5	1.6	-SF18-160	18	225.4	160	130	33	42	40	10	M8	4.25
-SF06-200	6	265.4	200	169	21	27	26	10	M5	1.9	-SF18-200	18	265.4	200	170	33	42	40	10	M8	4.75
-SF08-90	8	55.4	90	59	21	27	26	10	M6	1.1	-SF20-90	20	55.4	90	60	33	42	42	10	M8	3.5
-SF08-120	8	185.4	120	89	21	27	26	10	M6	1.5	-SF20-120	20	185.4	120	90	33	42	42	10	M8	3.95
-SF08-160	8	225.4	160	129	21	27	26	10	M6	1.95	-SF20-160	20	225.4	160	130	33	42	42	10	M8	4.3

SF | Shrink Fit Tool Holder

- Special heat-resistant steel for testing at temperatures exceeding 600°C.
- After tool exchange, the clamping force, concentricity and repetition accuracy are unchanged up to 5.000 times. Please refer to the following specification of the heater for the knife sample
- All-round clamping tool to show the best rigid torque
- Tool life is increased by 50% to 400%
- The thin design of the clamping part reduces interference and simplifies the machining process.
- See below for specifications of tool bar heater
- Tools limited to h6 tungsten steel tools
- The skew of the clamping tool at 3D is less than 0.003mm

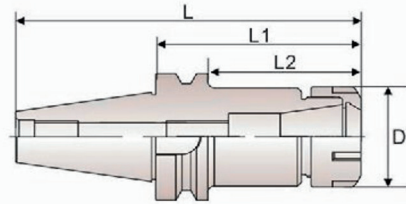


Unit: mm										
Model No	Clamping Range	L	L1	L2	D	D1	H	h	T	Weight (kg)
BBT40-SF20-200	20	265.4	200	170	33	42	42	10	M8	4.5
-SF25-100	25	165.4	100	71	44	53	48	10	M16	4.75
-SF25-120	25	185.4	120	91	44	53	48	10	M16	4.9
-SF25-160	25	225.4	160	132	44	53	48	10	M16	5.15
-SF25-200	25	265.4	200	171	44	53	48	10	M16	5.3
-SF32-100	32	65.4	100	71	44	53	48	10	M16	5.3
-SF32-120	32	185.4	120	91	44	53	48	10	M16	5.5
-SF32-160	32	225.4	160	131	44	53	48	10	M16	5.7
BBT50-SF06-100	6	201.8	100	57	21	27	26	10	M5	0.7
-SF06-130	6	231.8	130	88	21	27	26	10	M5	0.9
-SF06-160	6	261.8	160	117	21	27	26	10	M5	1.1
-SF06-200	6	301.8	200	157	21	27	26	10	M5	1.35
-SF08-100	6	201.8	100	57	21	27	26	10	M6	0.9
-SF08-130	8	231.8	130	88	21	27	26	10	M6	1.1
-SF08-160	8	261.8	160	117	21	27	26	10	M6	1.35
-SF08-200	8	301.8	200	157	21	27	26	10	M6	1.5
-SF10-100	10	201.8	100	57	24	32	32	10	M6	1.1
-SF10-130	10	231.8	130	88	24	32	32	10	M6	1.35
-SF10-160	10	261.8	160	117	24	32	32	10	M6	1.5
-SF10-200	10	301.8	200	157	24	32	32	10	M6	1.7

Unit: mm										
Model No	Clamping Range	L	L1	L2	D	D1	H	h	T	Weight (kg)
BBT50-SF12-100	12	201.8	100	57	24	32	37	10	M6	1.35
-SF12-130	12	231.8	130	88	24	32	37	10	M6	1.5
-SF12-160	12	261.8	160	117	24	32	37	10	M6	1.7
-SF12-200	12	301.8	200	157	24	32	37	10	M6	1.95
-SF14-100	14	201.8	100	57	27	34	37	10	M6	1.5
-SF14-130	14	231.8	130	88	27	34	37	10	M6	1.75
-SF14-160	14	261.8	160	117	27	34	37	10	M6	1.9
-SF14-200	14	301.8	200	157	27	34	37	10	M6	2.1
-SF16-100	16	201.8	100	57	27	34	40	10	M8	1.75
-SF16-130	16	231.8	130	88	27	34	40	10	M8	1.9
-SF16-160	16	261.8	160	117	27	34	40	10	M8	2.1
-SF16-200	16	301.8	200	157	27	34	40	10	M8	2.3
-SF18-100	18	201.8	100	57	33	42	40	10	M8	1.9
-SF18-130	18	231.8	130	88	33	42	40	10	M8	2.15
-SF18-160	18	261.8	160	117	33	42	40	10	M8	2.35
-SF18-200	18	301.8	200	157	33	42	40	10	M8	2.55
-SF20-100	20	201.8	100	57	33	42	42	10	M8	2.1
-SF20-130	20	231.8	130	88	33	42	42	10	M8	2.35
-SF20-160	20	261.8	160	117	33	42	42	10	M8	2.5
-SF20-200	20	301.8	200	157	33	42	42	10	M8	2.75

ER | Elastic Collet Chuck

- Er collet clips are flexible and suitable for holding drill bits, reamers, milling cutters and tap tools
- The ER16/ER20/ER25/ER32/ER40 tool holder can be replaced with GER round nut
- ER wrench is purchased separately
- The maximum speed is 30.000 r.p.m.2.5
- BT and BBT universal
- All factory testing, body accuracy: $\leq 0.002\text{mm}$, with collet accuracy: $\leq 0.005\text{mm}$

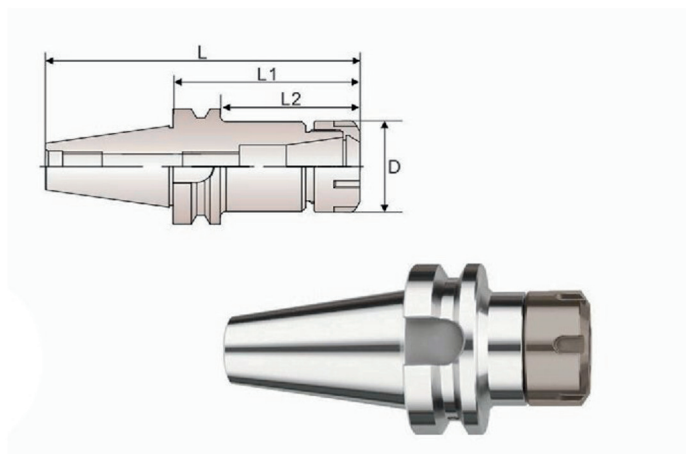


Unit: mm

Model No	Champing Range	L	L1	L2	D	D1	H	h
BBT30-ER11-70	1~7	119.4	70	49	19	ER11	WER11	-
-ER11-100	1~7	149.4	100	79	19	ER11	WER11	-
-ER16-70	1~10	119.4	70	49	28	ER16	WER16	0.55
-ER16-100	1~10	149.4	100	79	28	ER16	WER16	0.65
-ER20-70	1~13	119.4	70	49	34	ER20	WER20	0.6
-ER20-100	1~13	149.4	100	79	34	ER20	WER20	0.75
-ER25-70	1~16	119.4	70	49	42	ER25	WER25	0.7
-ER25-100	1~16	149.4	100	79	42	ER25	WER25	0.95
-ER32-70	1~20	119.4	70	49	50	ER32	WER32	0.7
-ER32-100	1~20	149.4	100	79	50	ER32	WER32	1.05
BBT40-ER11-70	1~7	136.4	70	44	19	ER11	WER11	-
-ER11-100	1~7	166.4	100	74	19	ER11	WER11	-
-ER11-150	1~7	216.4	150	124	19	ER11	WER11	-
-ER16-70	1~10	136.4	70	44	28	ER16	WER16	1.05
-ER16-100	1~10	166.4	100	74	28	ER16	WER16	1.2
-ER16-150	1~10	216.4	150	124	28	ER16	WER16	1.4
-ER16-200	1~10	266.4	200	174	28	ER16	WER16	1.6
-ER20-70	1~13	136.4	70	44	34	ER20	WER20	1.15
-ER20-100	1~13	166.4	100	74	34	ER20	WER20	1.3
-ER20-150	1~13	216.4	150	124	34	ER20	WER20	1.6
-ER20-200	1~13	266.4	200	174	34	ER20	WER20	1.9
-ER25-70	1~16	136.4	70	44	42	ER25	WER25	1.1
-ER25-100	1~16	166.4	100	74	42	ER25	WER25	1.5
-ER25-150	1~16	216.4	150	124	42	ER25	WER25	1.95
-ER25-200	1~16	266.4	200	174	42	ER25	WER25	2.45
-ER32-70	1~20	136.4	70	44	50	ER32	WER32	1.25
-ER32-100	1~20	166.4	100	74	50	ER32	WER32	1.65
-ER32-150	1~20	216.4	150	124	50	ER32	WER32	2.35
-ER32-200	1~20	266.4	200	174	50	ER32	WER32	3.05
-ER40-80	1~26	147.4	20	44	63	ER40	WER40	2.8
-ER40-100	1~26	167.4	100	64	63	ER40	WER40	1.9
-ER40-150	1~26	217.4	150	114	63	ER40	WER40	3

ER | Elastic Collet Chuck

- Er collet clips are flexible and suitable for holding drill bits, reamers, milling cutters and tap tools
- The ER16/ER20/ER25/ER32/ER40 tool holder can be replaced with GER round nut
- ER wrench is purchased separately
- The maximum speed is 30.000 r.p.m.2.5
- BT and BBT universal
- All factory testing, body accuracy: $\leq 0.002\text{mm}$, with collet accuracy: $\leq 0.005\text{mm}$

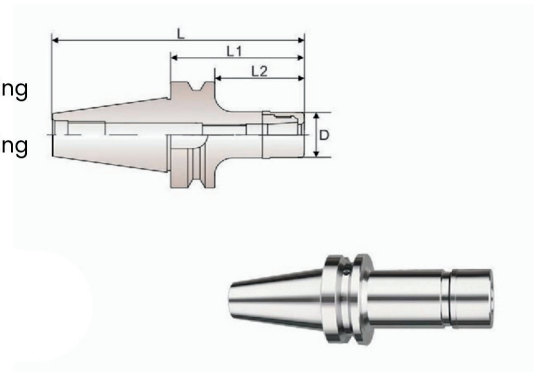


Unit: mm

Model No	Champing Range	L	L1	L2	D	Collet Type	Wrench	Weight (kg)
BBT50-ER16-100	1~10	200.8	100	63.5	28	ER16	WER16	3.8
-ER16-150	1~10	250.8	150	113.5	28	ER16	WER16	4.15
-ER16-200	1~10	300.8	200	163.5	28	ER16	WER16	4.35
-ER16-250	1~10	350.8	250	213.5	28	ER16	WER16	
-ER16-300	1~10	400.8	300	263.5	28	ER16	WER16	
-ER20-100	1~13	200.8	100	63.5	34	ER20	WER20	3.8
-ER20-150	1~13	250.8	150	113.5	34	ER20	WER20	4.15
-ER20-200	1~13	300.8	200	163.5	34	ER20	WER20	4.35
-ER20-250	1~13	350.8	250	213.5	34	ER20	WER20	
-ER20-300	1~13	400.8	300	263.5	34	ER20	WER20	
-ER25-100	1~16	200.8	100	63.5	42	ER25	WER25	4.15
-ER25-150	1~16	250.8	150	113.5	42	ER25	WER25	4.65
-ER25-200	1~16	300.8	200	163.5	42	ER25	WER25	5.1
-ER25-250	1~16	350.8	250	213.5	42	ER25	WER25	
-ER25-300	1~16	400.8	300	263.5	42	ER25	WER25	
-ER32-100	1~20	201.8	100	57	50	ER32	WER32	4.3
-ER32-150	1~20	251.8	150	107	50	ER32	WER32	5
-ER32-200	1~20	301.8	200	157	50	ER32	WER32	5.65
-ER32-250	1~20	351.8	250	207	50	ER32	WER32	
-ER32-300	1~20	401.8	300	257	50	ER32	WER32	
-ER40-100	3~26	200.8	100	63.5	50	ER40	WER40	4.5
-ER40-150	3~26	250.8	150	113.5	50	ER40	WER40	5.65
-ER40-200	3~26	300.8	200	163.5	50	ER40	WER40	
-ER40-250	3~26	350.8	250	213.5	50	ER40	WER40	
-ER40-300	3~26	400.8	300	263.5	50	ER40	WER40	6.65

SK | High Speed Precision tool holder

- SK series is suitable for high speed, high precision close cutting, cutting effect is good
- The unique design of the nuts reduces wind resistance and noise during high speed cutting and improves working efficiency
- To achieve the best cutting effect, you can use AA collet
- SK wrench is a separate purchase
- The maximum speed is 30.000 r.p.m 2.5
- BT and BBT universal
- All factory testing, body accuracy: $\leq 0.002\text{mm}$, with collet accuracy: $\leq 0.005\text{mm}$
- It can be used SK water stop collet center outlet

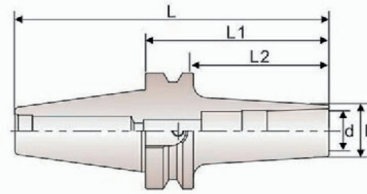


Unit: mm

Model No	Champing Range	L	L1	L2	D	Weight (kg)
BBT30-SK06-60	1-6	109.4	60	39	19.5	-
-SK06-90	1-6	139.4	90	69	19.5	-
-SK06-120	1-6	169.4	120	99	19.5	-
-SK10-60	1-10	109.4	60	39	27.5	0.5
-SK10-90	1-10	139.4	90	69	27.5	0.55
-SK10-120	1-10	169.4	120	99	27.5	0.75
-SK13-60	1-13	109.4	60	39	35	-
-SK13-90	1-13	139.4	90	69	35	-
-SK16-60	1-16	109.4	60	39	40	0.55
-SK16-90	1-16	139.4	90	69	40	0.85
-SK16-120	1-16	169.4	120	99	40	1.1
-SK20-60	3-20	109.4	60	39	48	-
-SK20-90	3-20	139.4	90	69	48	-
BBT40-SK06-60	1-6	126.4	60	34	19.5	-
-SK06-90	1-6	156.4	90	64	19.5	1.1
-SK06-120	1-6	186.4	120	94	19.5	-
-SK10-60	1-10	126.4	60	34	27.5	1.05
-SK10-90	1-10	156.4	90	64	27.5	1.15
-SK10-120	1-10	186.4	120	94	27.5	1.25
-SK10-150	1-10	216.4	150	124	27.5	1.4
-SK10-200	1-10	266.4	200	174	27.5	1.6
-SK13-60	1-13	126.4	60	34	35	1.1
-SK13-90	1-13	156.4	90	64	35	1.3
-SK16-60	1-13	126.4	60	34	40	1.05
-SK16-90	1-13	156.4	90	64	40	1.35
-SK16-120	1-13	186.4	120	94	40	1.65
-SK16-150	1-13	216.4	150	124	40	1.9
-SK20-75	3-20	141.4	75	49	48	1.15
-SK20-90	3-20	156.4	90	64	48	1.5
-SK20-120	3-20	186.4	120	94	48	1.85
-SK25-75	5-25	141.4	75	49	55	1.4
-SK25-90	5-25	156.4	90	64	55	1.6
-SK25-120	5-25	186.4	120	94	55	2.1
BBT50-SK10-100	1-10	200.8	100	63.5	27.5	-
-SK10-150	1-10	250.8	150	113.5	27.5	-
-SK10-200	1-10	300.8	200	163.5	27.5	-
-SK16-100	1-16	200.8	100	63.5	40	-
-SK16-150	1-16	250.8	150	113.5	40	-
-SK16-200	1-16	300.8	200	163.5	40	-

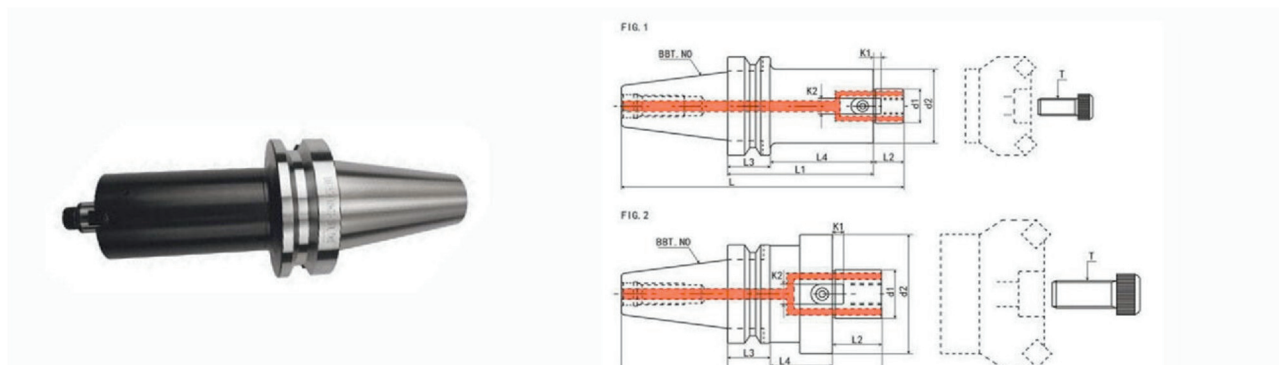
SDC | The Pull back High Speed Tool Holder

- Material: JIS SNCM220
- Hardness: HRC 56°C ~ 58°C carburizing hardness > 0.8mm
- SDC shank is suitable for high-speed precision machining. No nut design, reduce the object interference during processing
- With AA class collet, the bias accuracy is less than 0.0005mm
- The maximum speed can be 30.000 r.p.m G2.5



Unit: mm								Unit: mm							
Model No	Champing Range	L	L1	L2	Φ	D	Weight (kg)	Model No	Champing Range	L	L1	L2	Φ	D	Weight (kg)
BBT30-SDC04-60	2~4	108.4	60	34	6°	10	-	BBT40-SDC08-60	2~10	126.4	60	34	-	20	-
-SDC04-90	2~4	138.4	90	64	6°	10	-	-SDC08-90	2~10	156.4	90	64	-	20	-
-SDC04-120	2~4	168.4	120	94	6°	10	-	-SDC08-120	2~10	185.4	120	94	-	20	1.3
-SDC04-150	2~4	198.4	150	124	6°	10	-	-SDC08-150	2~10	216.4	150	124	-	20	1.55
-SDC06-60	2~6	109.3	60	39	-	13	0.45	-SDC08-200	2~10	265.4	200	170	-	22	1.95
-SDC06-90	2~6	139.3	90	69	6°	13	0.5	-SDC08-250	2~10	315.4	250	220	-	22	-
-SDC06-120	2~6	169.3	120	99	6°	13	-	-SDC12-60	3~2	125.4	60	30	-	34	-
-SDC06-150	2~6	198.4	150	125	6°	14	-	-SDC12-90	3~2	156.4	90	65	6°	30	-
-SDC08-60	2~10	109.3	60	39	6°	20	0.46	-SDC12-120	3~2	186.4	120	94	6°	30	-
-SDC08-90	2~10	139.3	90	69	6°	20	0.6	-SDC12-150	3~2	216.4	150	124	6°	30	1.6
-SDC08-120	2~10	169.3	120	99	6°	20	-	-SDC12-200	3~2	265.4	200	173	6°	34	-
-SDC08-150	2~10	198.4	150	125	6°	22	-	-SDC12-250	3~2	315.4	250	223	-	34	-
-SDC12-80	3~12	129.3	80	59	6°	30	-	BT50-SDC06-120	2~6	221.8	120	82	6°	34	-
-SDC12-90	3~12	125.4	90	68	-	34	-	-SDC06-150	2~6	251.8	150	112	6°	34	3.85
-SDC12-120	3~12	155.4	120	68	6°	34	-	-SDC06-200	2~6	301.8	200	162	6°	34	4.55
-SDC12-150	3~12	185.4	150	128	6°	34	-	-SDC06-250	2~6	351.8	250	212	6°	34	-
BBT40-SDC04-60	2~4	126.4	60	34	6°	10	-	-SDC06-300	2~6	401.8	300	262	6°	34	-
-SDC04-90	2~4	156.4	90	65	6°	10	-	-SDC08-120	2~10	221.8	120	82	-	14	-
-SDC04-120	2~4	185.4	120	94	6°	10	-	-SDC08-150	2~10	251.8	150	112	-	14	4.2
-SDC04-150	2~4	216.4	150	124	6°	10	-	-SDC08-200	2~10	301.8	200	162	-	14	4.5
-SDC06-60	2~6	126.4	60	34	-	13	-	-SDC08-250	2~10	351.8	250	212	-	14	-
-SDC06-90	2~6	156.4	90	64	-	13	-	-SDC08-300	2~10	401.8	300	262	-	14	-
-SDC06-120	2~6	185.4	120	94	-	13	1.2	-SDC12-120	3~12	221.8	120	82	6°	22	-
-SDC06-150	2~6	216.4	150	124	-	13	1.35	-SDC12-150	3~12	251.8	150	112	6°	22	4.2
-SDC06-200	2~6	265.4	200	169	-	14	1.7	-SDC12-200	3~12	301.8	200	162	6°	22	-
-SDC06-250	2~6	315.4	250	219	-	14	-	-SDC12-250	3~12	351.8	250	212	6°	22	-
								-SDC12-300	3~12	401.8	300	262	6°	22	-

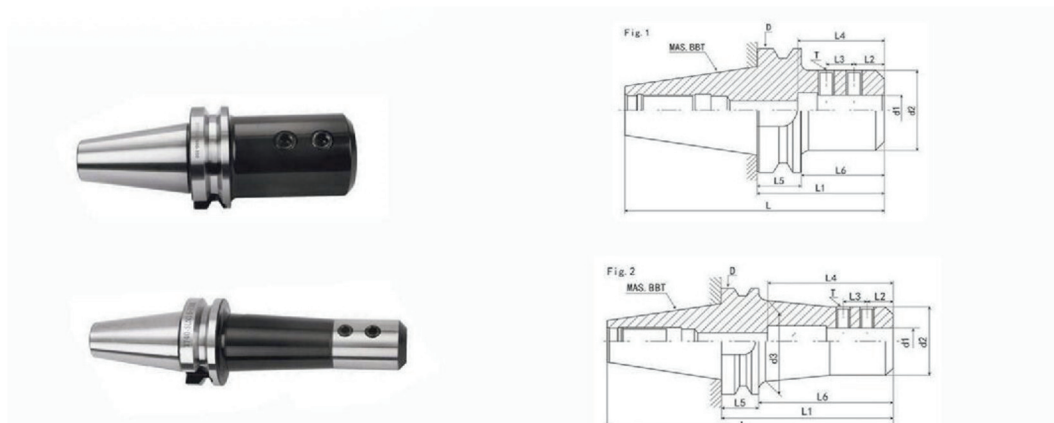
FMH | Face Coolant Milling Tool Holder



Unit: mm

Model No	L	L1	L2	L3	L4	D1	D2	K1	K2	T	FIG	KGS
BBT30-FMH16-45L-D37	111.3	45	17	21	24	16	37	3.2	8	M8*1.25P	1	-
BBT30-FMH16-60L-D37	126.3	60	17	21	39	16	37	3.2	8	M8*1.25P	1	0.5
BBT30-FMH22-45L-D47	112.3	45	18	21	24	22	47	4.8	10	M10*1.5P	2	0.75
BBT30-FMH22-60L-D47	127.3	60	18	21	39	22	47	4.8	10	M10*1.5P	2	1.5
BBT30-FMH27-45L-D60	114.3	45	20	21	24	27	60	5.8	12	M12*1.75P	2	1.45
BBT30-FMH27-60L-D60	129.3	60	20	21	39	27	60	5.8	12	M12*1.75P	2	1.45
BBT30-FMH32-45L-D68	116.3	45	22	21	24	32	68	6.8	14	M16*2.0P	2	1.5
BBT30-FMH32-60L-D68	131.3	60	22	21	39	32	68	6.8	14	M16*2.0P	2	1.5
BBT30-FMH25.4-45L-D60	114.3	45	20	21	24	25.4	60	4.52	9.52	M12*1.75P	2	1.1
BBT30-FMH25.4-60L-D60	129.3	60	20	21	39	25.4	60	4.52	9.52	M12*1.75P	2	2.7
BBT30-FMH31.75-45L-D68	116.3	45	22	21	24	31.75	68	6.7	12.7	M16*2.0P	2	1.35
BBT30-FMH31.75-60L-D68	131.3	60	22	21	39	31.75	68	6.7	12.7	M16*2.0P	2	1.5

SLN | Side Look Tool Holder



Unit: mm

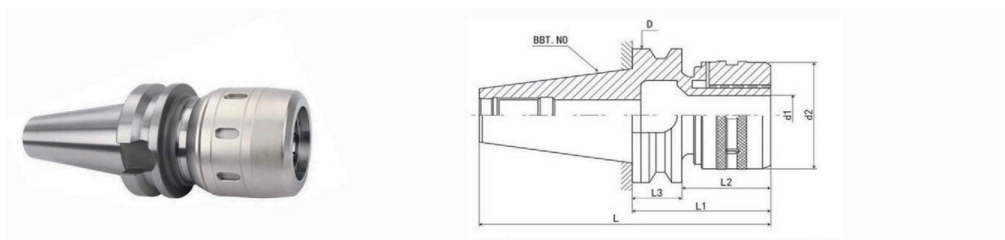
Model No	L	L1	L2	L3	L4	L5	L6	D1	D2	D3	FIG	T	KGS
BBT30-SLN16-75L	124.3	75	14	14	48	21	54	16	48		1	M10*1.5P	1.03
BBT30-SLN20-75L	124.3	75	14	14	50	21	54	20	48		1	M10*1.5P	0.98
BBT30-SLN25-80L	129.3	80	15	21	56	21	59	25	48		1	M16*2.0P	0.97
BBT30-SLN32-85L	134.3	85	15	2020	60	21	59	32	63		1	M16*2.0P	1.38
BBT40-SLN16-100L	166.4	100	22	18	100	21	74	16	48		1	M10*1.5P	
BBT40-SLN16-150L	216.4	150	22	18	100	26	124	16	40	45	2	M10*1.5P	
BBT40-SLN16-200L	266.4	200	22	18	100	26	174	16	40	45	2	M10*1.5P	
BBT40-SLN20-100L	166.4	100	25	20	110	26	74	20	52		1	M12*1.75p	
BBT40-SLN20-150L	216.4	150	25	20	110	26	124	20	45		2	M12*1.75p	
BBT40-SLN20-200L	266.4	200	25	20	110	26	174	20	45	50	2	M12*1.75p	
BBT40-SLN25-100L	166.4	100	24	25	120	26	74	25	65		1	M12*1.75p	
BBT40-SLN25-150L	216.4	150	24	25	120	26	124	25	50	55	2	M12*1.75p	
BBT40-SLN25-200L	266.4	200	24	25	120	26	174	25	50	55	2	M12*1.75p	
BBT40-SLN32-100L	166.4	100	24	28	120	26	74	32	65		1	M16*2.0P	
BBT40-SLN32-150L	216.4	150	24	28	120	26	124	32	58	63	2	M16*2.0P	
BBT40-SLN32-200L	266.4	200	24	28	120	26	174	32	58	63	2	M16*2.0P	
BBT40-SLN40-100L	171.4	105	30	32	120	26	79	40	73		1	M16*2.0P	
BBT40-SLN40-150L	216.4	150	30	32	120	26	124	40	73		1	M16*2.0P	
BBT40-SLN40-200L	266.4	200	30	32	120	26	174	40	73		1	M16*2.0P	

LBK | Boring head tool holder



Unit: mm

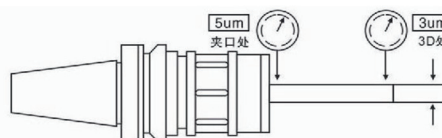
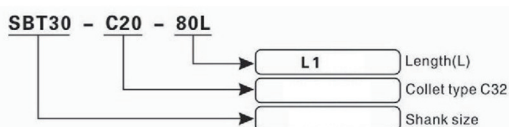
Model No	L	L1	L2	L2	L4	L5	L6	D1	D2	T	KGS
BBT30-LBK1-105L	154.3	150	84	5.05	30	21	11	19	46	M4*0.5P	0.51
BBT30-LBK2-75L	124.3	75	54	6.62	31	21	14	24	46	M5*0.5P	0.44
BBT30-LBK2-105L	169.3	120	99	6.62	31	21	14	24	46	M5*0.5P	0.57
BBT30-LBK3-80L	129.3	80	59	8	35	21	18	31	46	M6*0.75	0.45
BBT30-LBK3-120L	169.3	120	99	8	35	21	18	31	46	M6*0.75	0.67
BBT30-LBK4-85L	134.3	85	64	10	39	21	22	39	46	M8*0.75	0.46
BBT30-LBK4-120L	169.3	120	99	10	39	21	22	39	46	M8*0.75	0.78
BBT30-LBK5-85L	134.3	85	64	13	45	21	28	50	46	M10*1.0P	0.76
BBT30-LBK5-120L	169.3	120	99	13	45	21	28	50	46	M10*1.0P	0.8
BBT30-LBK6-85L	134.3	85	64	16	55	21	36	63	46	M10*1.0P	0.85
BBT30-LBK6-135L	184.3	135	114	16	55	21	36	63	46	M12*1.0P	0.93
BBT40-LBK1-105L	171.4	105	79	5.05	30	26	11	19	63	M4*0.5P	
BBT40-LBK2-80L	146.4	80	54	6.62	31	26	14	24	63	M5*0.5P	
BBT40-LBK2-120L	186.4	120	94	6.62	31	26	14	24	63	M5*0.5P	
BBT40-LBK3-85L	151.4	85	59	8	35	26	18	31	63	M6*0.75P	
BBT40-LBK3-135L	201.4	135	109	8	35	26	18	31	63	M6*0.75P	
BBT40-LBK3-165L	231.4	165	139	8	35	26	18	31		M6*0.75P	
BBT40-LBK3-165L	231.4	165	139	8	35	26	18	31	63	M6*0.75P	
BBT40-LBK4-90L	156.4	90	64	10	39	26	22	39	63	M8*0.75P	
BBT40-LBK4-135L	201.4	135	109	10	39	26	22	39	63	M8*0.75P	
BBT40-LBK4-165L	231.4	165	139	10	39	26	22	39	63	M8*0.75P	
BBT40-LBK4-195L	261.4	195	169	10	39	26	22	39	63	M8*0.75P	
BBT40-LBK5-65L	106.4	65	39	13	45	26	28	50	63	M10*1.0P	
BBT40-LBK5-105L	171.4	105	79	13	45	26	28	50	63	M10*1.0P	
BBT40-LBK5-135L	201.4	135	109	13	45	26	28	50	63	M10*1.0P	
BBT40-LBK5-165L	231.4	165	139	13	45	26	28	50	63	M10*1.0P	
BBT40-LBK5-195L	261.4	195	169	13	45	26	28	50	63	M10*1.0P	
BBT40-LBK6-65L	131.4	65	39	16	55	26	36	63	63	M12*1.0P	
BBT40-LBK6-105L	171.4	105	79	16	55	26	36	63	63	M12*1.0P	
BBT40-LBK6-135L	201.4	135	109	16	55	26	36	63	63	M12*1.0P	
BBT40-LBK6-165L	231.4	165	139	16	55	26	36	63	63	M12*1.0P	
BBT40-LBK6-195L	261.4	195	169	16	55	26	36	63	63	M12*1.0P	
BBT40-LBK6-245L	311.4	245	219	16	55	26	36	63	63	M12*1.0P	



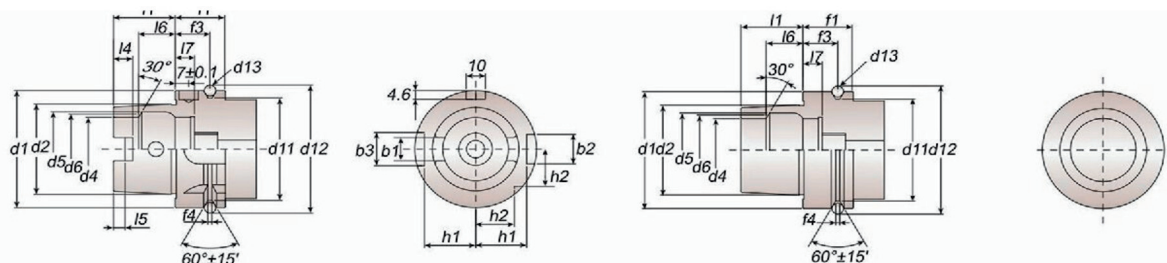
Unit: mm

Model No	L	L1	L2	L3	L4	L5	L6	Range
BBT30-C20-80L	129.3	80	59	21	46	20	56	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20
BBT30-C25-100L	149.3	100	79	21	46	25	61	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 25
BBT30-C32-105L	154.3	105	84	21	46	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT40-C20-100L	166.4	100	74	26	63	20	56	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20
BBT40-C25-100L	166.4	100	74	26	63	25	61	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 25
BBT40-C25-135L	201.4	135	109	26	63	25	61	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 25
BBT40-C32-105L	171.4	105	79	26	63	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT40-C32-135L	201.4	135	109	26	63	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT40-C32-165L	231.4	165	139	26	63	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT40-C32-200L	266.4	200	174	26	63	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT50-C25-110L	213.3	110	73.5	36.5	100	25	61	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 25
BBT50-C25-135L	238.3	135	98.5	36.5	100	25	61	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 25
BBT50-C25-165L	268.3	165	128.5	36.5	100	25	61	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 25
BBT50-C32-110L	213.3	110	73.5	36.5	100	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT50-C32-135L	238.3	135	98.5	36.5	100	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT50-C32-165L	268.3	165	128.5	36.5	100	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT50-C32-200L	303.3	200	163.5	36.5	100	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT50-C32-250L	353.3	250	213.5	36.5	100	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT50-C32-300L	403.3	300	263.5	36.5	100	32	68	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32
BBT50-C42-135L	238.3	135	98.5	36.5	100	42	87	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32 34 46 42
BBT50-C42-165L	268.3	165	128.5	36.5	100	42	87	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32 34 46 42
BBT50-C42-200L	303.3	200	163.5	36.5	100	42	87	3 4 5 6 8 10 12 14 16 18 20 22 24 25 32 34 46 42

- HIGH SPEED, HIGH ACCURACY, HIGH DURABILITY C-STRAIGHT TOOL SERIES
- MATERIAL: 20CRMNTI/15CRMN;
- HARDNESS: HRC58-60, CARBON DEPTH >0.8
- TOLERANCE CLASS: ≤ AT3
- INNER HOLE OF THE SHANK DIVIDE INTO 6 TROUGHS TO PREVENT THE INSERT REMOVE, INCREASE THE GRASP FORCE
- GRASP FORCE STRONG, CENTERING ACCURACY HIGH, SUIT TO HEAVY CUTTING
- TWO KINDS LOOKS PROVIDE: POLISHING OR CHEMICAL NICKEL-PLATING EFFECT
- INNER HOLE GRINDING FOR MANY TIMES, SO AS TO REACH RA0.4, HAS A MIRROR EFFECT
- END AND THE CYLINDRICAL ARE GRINDING FOR MANY TIMES, CAN REACH RA0.4, HAS A MIRROR EFFECT
- SURFACE "ENVIROMENT PROTECTION", SPECIAL COATING SURFACE TREATMENT, IMPROVE THE HARDNESS AND ENDURANCE OF THE SURFACE, CLEANNESS BETTER, ACCURACY STABLE, SURFACE MORE SMOOTH, ANTIRUST, FEEL COMFORTABLE, APPERANCE MCE.
- THE SPANNER, PULL STUB CHUCK MUST PURCHASE ALONE.



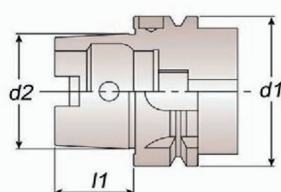
HSK - A/E SHANK



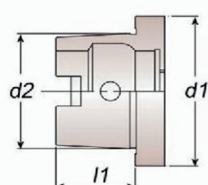
Unit: mm

Shank Size	b1	b2	b3	d1	d2	d4	d5	d6	d11	d12	d13	f1	f3	f4	h1	h2	l1	l2	l5	l6	l7
HSK32	7.05	7	9	32	24	17	21	19	26.5	37	4	20	16	2	13	9.5	16	5	3	8.92	8
HSK40	8.05	9	11	40	30	21	25.5	23	34.8	45	4	20	16	2	17	12	20	6	3.5	11.42	8
HSK50	10.54	12	14	50	38	26	32	29	43	59.3	7	26	18	3.75	21	15.5	25	7.5	4.5	14.13	10
HSK63	12.54	16	18	63	48	34	40	37	55	72.3	7	26	18	3.75	26.5	20	32	10	6	18.13	10
HSK100	20.02	20	22	100	75	53	63	38	92	109.75	7	29	20	3.75	44	31.5	50	15	10	28.56	12.5

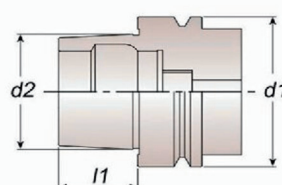
HSK - A



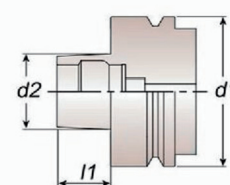
HSK - C



HSK - E



HSK - F



Unit: mm

HSK-A	d1	d2	l1
32	32	24	16
40	40	30	20
50	50	38	25
63	63	48	32
100	100	75	50

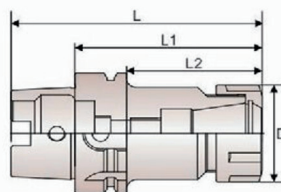
HSK-C	d1	d2	l1
32	32	24	16
40	40	30	20
50	50	38	25
63	63	48	32
100	100	75	50

HSK-E	d1	d2	l1
32	32	24	16
40	40	30	20
50	50	38	25
63	63	48	32

HSK-F	d1	d2	l1
50	50	30	20
63	63	38	25

ER | Elastic Collet Chuck

- G2.5: 25000rpm, 30000rpm
- ER collet clips are flexible and suitable for holding drill bits, reamers, milling cutters and tap tools
- The ER16/ER20 tool bar is also available in M type
- ER tool bar can also be optional steel ball nuts and wrenches
- ER wrench is purchased separately

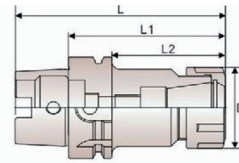


Unit: mm

Model No	Champing Range	L	L1	L2	D	Collet Type	Wrench	Weight (kg)
HSK50A-ER11-80	1~7	105	80	54	22	ER11	WER11	0.5
-ER11-110	1~7	135	110	81	22	ER11	WER11	0.55
-ER16-70	1~10	95	70	44	28	ER16	WER16	0.55
-ER16-110	1~10	135	110	81	28	ER16	WER16	0.7
-ER20-80	1~13	105	80	54	34	ER20	WER20	0.75
-ER20-110	1~13	135	110	81	34	ER20	WER20	0.8
-ER25-80	1~16	105	80	54	42	ER25	WER25	0.75
-ER25-110	1~16	135	110	84	42	ER25	WER25	1
-ER32-80	1~20	105	80	54	50	ER32	WER32	0.75
-ER32-110	1~20	135	110	84	50	ER32	WER32	1
HSK63A-ER11-70	1~7	102	70	38	19	ER11	WER11	0.7
-ER11-100	1~7	132	100	68	19	ER11	WER11	0.75
-ER11-130	1~7	162	130	98	19	ER11	WER11	0.8
-ER11-160	1~7	192	160	128	19	ER11	WER11	0.9
-ER16-70	1~10	102	70	40	28	ER16	WER16	0.75
-ER16-100	1~10	132	100	70	28	ER16	WER16	0.9
-ER16-125	1~10	157	125	95	28	ER16	WER16	0.8
-ER16-160	1~10	192	160	130	28	ER16	WER16	1.15
-ER16-200	1~10	232	200	170	28	ER16	WER16	1.35
-ER16-250	1~10	282	250	220	28	ER20	WER20	2
-ER20-70	1~13	102	70	41	34	ER20	WER20	0.8
-ER20-100	1~13	132	100	71	34	ER20	WER20	1
-ER20-125	1~13	157	125	95	34	ER20	WER20	1.15

Model No	Champing Range	L	L1	L2	D	Collet Type	Wrench	Weight (kg)
HSK63A-ER20-160	1~13	102	160	131	34	ER20	WER20	1.4
-ER20-200	1~13	232	200	171	34	ER20	WER20	1.65
-ER20-250	1~13	282	250	221	34	ER20	WER20	2
-ER25-70	1~16	102	70	41	42	ER25	WER25	1
-ER25-100	1~16	132	100	71	42	ER25	WER25	1.2
-ER25-125	1~16	157	125	95	42	ER25	WER25	1.45
-ER25-160	1~16	192	160	131	42	ER25	WER25	1.75
-ER25-200	1~16	232	200	171	42	ER25	WER25	2.15
-ER25-250	1~16	282	250	221	42	ER25	WER25	2.6
-ER25-300	1~16	332	300	271	42	ER25	WER25	3
-ER32-70	1~20	102	70	41	50	ER32	WER32	1.15
-ER32-100	1~20	132	100	72.5	50	ER32	WER32	1.4
-ER32-125	1~20	157	125	95	50	ER32	WER32	1.75
-ER32-160	1~20	192	160	132.5	50	ER32	WER32	2.2
-ER32-200	1~20	232	200	172.5	50	ER32	WER32	2.8
-ER32-250	1~20	282	250	222.5	50	ER32	WER32	3.45
-ER32-300	1~20	332	300	272.5	50	ER32	WER32	4.25
-ER40-80	3~26	112	80	54	63	ER40	WER40	1.2
-ER40-100	3~26	132	100	74	63	ER40	WER40	1.4
-ER40-125	3~26	157	125	95	63	ER40	WER40	1.8
-ER40-160	3~26	192	160	134	63	ER40	WER40	2.15
-ER40-200	3~26	232	200	174	63	ER40	WER40	2.4

ER | Elastic Collet Chuck



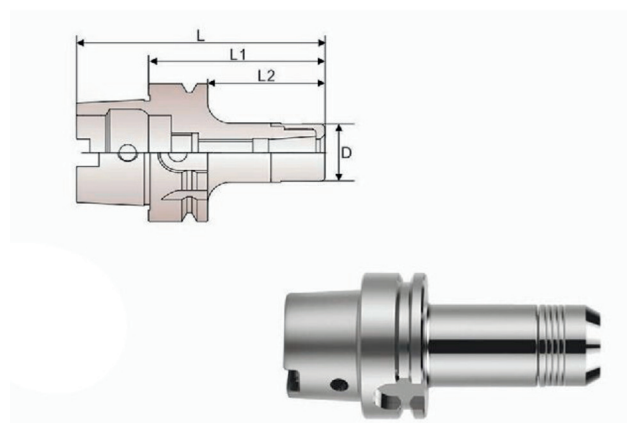
- G2.5: 25000rpm, 30000rpm
- ER collet clips are flexible and suitable for holding drill bits, reamers, milling cutters and tap tools
- The ER16/ER20 tool bar is also available in M type
- ER tool bar can also be optional steel ball nuts and wrenches
- ER wrench is purchased separately

Unit: mm

Model No	Champing Range	L	L1	L2	D	Collet Type	Wrench	Weight (kg)
HSK100A-ER11-100	1~7	150	100	57	19	ER11	WER11	2.15
-ER11-130	1~7	180	130	87	19	ER11	WER11	2.5
-ER11-160	1~7	210	160	117	19	ER11	WER11	2.25
-ER16-100	1~10	150	100	66	28	ER16	WER16	2.25
-ER16-130	1~10	180	130	96	28	ER16	WER16	2.35
-ER16-160	1~10	210	160	126	28	ER16	WER16	2.5
-ER16-200	1~10	250	200	166	28	ER16	WER16	2.65
-ER16-250	1~10	300	250	216	28	ER16	WER16	-
-ER16-300	1~10	350	300	266	28	ER16	WER16	-
-ER20-100	1~13	150	100	66	34	ER20	WER20	2.34
-ER20-130	1~13	180	130	96	34	ER20	WER20	2.5
-ER20-160	1~13	210	160	126	34	ER20	WER20	2.7
-ER20-200	1~13	250	200	166	34	ER20	WER20	2.95
-ER20-250	1~13	300	250	216	34	ER20	WER20	3.25
-ER20-300	1~13	350	300	266	34	ER20	WER20	-
-ER25-100	1~16	150	100	66	42	ER25	WER25	2.5
-ER25-130	1~16	180	130	96	42	ER25	WER25	2.8
-ER25-160	1~16	210	160	126	42	ER25	WER25	3.1
-ER25-200	1~16	250	200	166	42	ER25	WER25	3.4
-ER25-250	1~16	300	250	216	42	ER25	WER25	3.95
-ER25-300	1~16	350	300	266	42	ER25	WER25	4.45
-ER32-100	1~20	150	100	66	50	ER32	WER32	2.7
-ER32-130	1~20	180	130	96	50	ER32	WER32	3.1
-ER32-150	1~20	200	150	116	50	ER32	WER32	3.5
-ER32-200	1~20	250	200	166	50	ER32	WER32	4
-ER32-250	1~20	300	250	216	50	ER32	WER32	4.75
-ER32-300	1~20	350	300	266	50	ER32	WER32	5.45
-ER32-3350	1~20	400	350	316	50	ER32	WER32	6.25
-ER32-400	1~20	450	400	366	50	ER32	WER32	6.95
-ER40-100	3~26	150	100	66	63	ER40	WER40	3.05
-ER40-130	3~26	180	130	96	63	ER40	WER40	3.74
-ER40-160	3~26	210	160	126	63	ER40	WER40	4.35
-ER40-200	3~26	250	200	166	63	ER40	WER40	5.05
-ER40-250	3~26	300	250	216	63	ER40	WER40	-
-ER40-300	3~26	350	300	266	63	ER40	WER40	-
-ER40-350	3~26	400	350	316	63	ER40	WER40	-
-ER40-400	3~26	450	400	366	63	ER40	WER40	-

GER | Ger Collet Chuck

- G2.5: 25000rpm, 30000rpm
- ER clips are flexible and suitable for holding drill bits, reamers, milling cutters and tap tools
- The ER16/ER20 tool bar is also available in M type
- ER tool bar can also be optional steel ball nuts and wrenches
- ER wrench is purchased separately

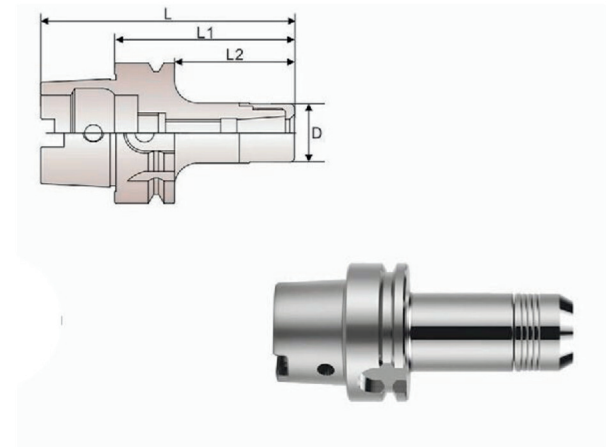


Unit: mm

Model No	Clamping Range	L	L1	L2	D	Collet Type	Wrench	KGS
HSK32A/E-GER11-40	3~7	56	40	20	19	WER11	WER11	1.03
-GER16-50	3~10	66	50	30	30	GER16	WER16	0.98
-GER20-50	3~13	66	50	30	32	GER20	WER20	0.97
HSK40A/E-GER16-70	3~10	90	70	50	30	GER16	WER16	
-GER20-70	3~13	90	70	50	32	GER20	WER20	
-GER25-70	3~16	90	70	50	40	GER25	WER25	
-GER32-70	3~20	90	70	50	50	GER32	WER32	
HSK50A/E-GER16-70	3~10	95	70	44	30	GER16	WER16	0.4
-GER16-100	3~10	125	100	74	30	GER16	WER16	0.5
-GER20-70	3~13	95	70	44	32	GER20	WER20	0.55
-GER20-100	3~13	125	100	74	32	GER20	WER20	0.6
-GER25-80	3~16	105	80	54	40	GER25	WER25	0.75
-GER32-80	3~20	105	80	54	50	GER32	WER32	0.65
HSK63A-GER16-70	3~10	102	70	44	30	GER16	WER16	0.8
-GER16-100	3~10	132	100	74	30	GER16	WER16	0.95
-GER16-120	3~10	152	120	94	30	GER16	WER16	1.1
-GER16-150	3~10	182	150	124	30	GER16	WER16	1.2
-GER20-70	3~13	102	70	44	32	GER20	WER20	0.85
-GER20-100	3~13	132	100	74	32	GER20	WER20	0.95
-GER20-120	3~13	152	120	94	32	GER20	WER20	1.1
-GER20-150	3~13	182	150	124	32	GER20	WER20	1.35
-GER25-70	3~16	102	70	44	40	GER25	WER25	0.95
-GER25-100	3~16	132	100	74	40	GER25	WER25	1.25
-GER25-120	3~16	152	120	94	40	GER25	WER25	1.5
-GER25-150	3~16	182	150	124	40	GER25	WER25	1.7
-GER32-70	3~20	102	70	44	50	GER32	WER32	1.05
-GER32-100	3~20	132	100	74	50	GER32	WER32	1.45
-GER32-120	3~20	152	120	94	50	GER32	WER32	1.8
-GER32-150	3~20	182	150	124	50	GER32	WER32	2.05

GER | Ger Collet Chuck

- G2.5: 25000rpm, 30000rpm
- ER clips are flexible and suitable for holding drill bits, reamers, milling cutters and tap tools
- The ER16/ER20 tool bar is also available in M type
- ER tool bar can also be optional steel ball nuts and wrenches
- ER wrench is purchased separately

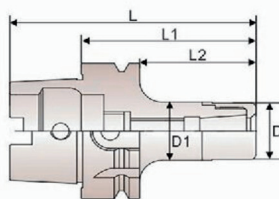


Unit: mm

Model No	Claming Range	L	L1	L2	D	Collet Type	Wrench	Weight (kg)
HSK100A-GER16-100	3~10	150	100	71	30	GER16	WER16	2.3
-GER16-120	3~10	170	120	91	30	GER16	WER16	2.4
-GER16-150	3~10	200	150	121	30	GER16	WER16	2.55
-GER16-200	3~10	250	200	171	30	GER16	WER16	2.4
-GER20-100	3~13	150	100	71	32	GER20	WER20	2.5
-GER20-120	3~13	170	120	91	32	GER20	WER20	2.65
-GER20-150	3~13	200	150	121	32	GER20	WER20	2.8
-GER20-200	3~13	250	200	171	32	GER20	WER20	3.05
-GER25-100	3~16	150	100	71	40	GER25	WER25	2.55
-GER25-120	3~16	170	120	91	40	GER25	WER25	2.7
-GER25-150	3~16	200	150	121	40	GER25	WER25	3.2
-GER25-200	3~16	250	200	171	40	GER25	WER25	3.45
-GER32-100	3~20	150	100	71	50	GER32	WER32	2.8
-GER32-120	3~20	170	120	91	50	GER32	WER32	3.1
-GER32-150	3~20	200	150	121	50	GER32	WER32	3.5
-GER32-200	3~20	250	200	171	50	GER32	WER32	4.1

SSK | Aerodynamic Tool Holder

- SSK series is suitable for high speed, high precision close cutting, cutting effect is good
- The unique design of the nuts reduces wind resistance and noise during high speed cutting and increases working energy
- To achieve the best cutting effect, you can use AA collet
- SSK wrench is a separate purchase
- Up to 40.000 r.p.m. G2.5

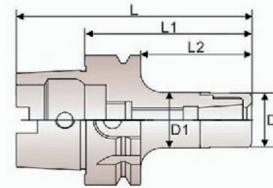


Unit: mm

Model No	Clamping Range	L	L1	L2	D	D1	Weight (kg)
HSK32A-SSK06-050	2~6	30	50	-	19.5	-	0.17
-SSK06-060	2~10	40	60	-	27.5	-	0.26
HSK40A-SSK06-60	1~6	80	60	38	19.5	20	-
-SSK10-75	1~10	95	75	53	27	27.5	-
-SSK13-75	1~13	95	75	55	35	35.5	-
-SSK16-80	1~16	100	8	60	40	40.5	-
HSK50A-SSK06-80	1~6	105	80	50	19.5	20	-
-SSK10-80	1~10	105	80	51	27	27.5	0.5
-SSK10-120	1~10	145	120	91	27	27.5	0.55
-SSK13-80	1~13	105	80	53	35	35.5	0.75
-SSK13-120	1~13	145	120	93	35	35.5	-
-SSK16-80	1~16	105	80	53	40	40.5	0.75
-SSK16-120	1~16	145	120	93	40	40.5	1.05
HSK63A-SSK06-70	1~6	102	70	39	19.5	20	0.75
-SSK06-100	1~6	132	100	69	19.5	20	0.8
-SSK06-130	1~6	162	130	99	19.5	20	0.85
-SSK06-160	1~6	192	160	129	19.5	20	0.9
-GSSK10-70	1~10	102	70	40	27	27.5	0.8
-SSK10-100	1~10	132	100	70	27	27.5	0.9
-SSK10-130	1~10	162	130	100	27	27.5	1.05
-SSK10-160	1~10	192	160	130	27	27.5	1.15
-SSK10-200	1~10	232	200	170	27	27.5	1.3
-SSK13-70	1~13	102	70	41	35	35.5	0.85
-SSK13-100	1~13	132	100	71	35	35.5	1.05
-SSK13-130	1~13	162	130	101	35	35.5	1.25
-SSK13-160	1~13	192	160	131	35	35.5	1.5
-SSK16-75	1~16	101	70	46	40	40.5	0.95
-SSK16-100	1~16	132	100	71	40	40.5	1.2
-SSK16-130	1~16	162	130	101	40	40.5	1.4
-SSK16-160	1~16	193	160	143	40	40.5	1.7
-SSK16-200	1~16	232	200	171	40	40.5	2.1
-SSK20-90	3~20	122	90	62.5	48	48.5	1.25
-SSK20-120	3~20	152	120	92.5	48	48.5	1.6
-SSK20-160	3~20	192	160	132.5	48	48.5	-
-SSK25-90	5~25	122	90	64	55	55.5	1.35
-SSK25-120	5~25	152	120	94	55	55.5	1.75
-SSK25-160	5~25	192	160	134	55	55.5	2.15

SSK | Aerodynamic Tool Holder

- SSK series is suitable for high speed, high precision close cutting, cutting effect is good
- The unique design of the nuts reduces wind resistance and noise during high speed cutting and increases working energy
- To achieve the best cutting effect, you can use AA collet
- SSK wrench is a separate purchase
- Up to 40.000 r.p.m. G2.5

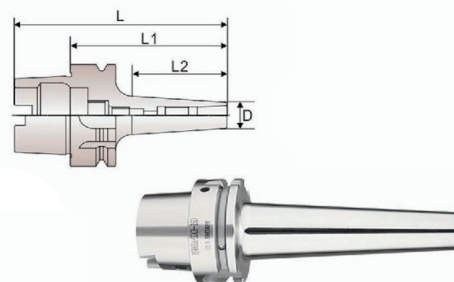


Unit: mm

Model No	Claming Range	L	L1	L2	D	D1	Weight (kg)
HSK100A-SSK06-100	1~6	150	100	59	19.5	20	-
-SSK10-100	1~10	150	100	59	27	27.5	2.25
-SSK10-130	1~10	180	130	89	27	27.5	2.4
-SSK10-160	1~10	210	160	119	27	27.5	2.55
-SSK10-200	1~10	250	200	159	27	27.5	-
-SSK13-100	1~13	150	100	66	35	35.5	-
-SSK13-130	1~13	180	130	96	35	35.5	-
-SSK13-160	1~13	210	160	126	35	35.5	-
-SSK16-100	1~16	150	100	66	40	40.5	-
-SSK16-130	1~16	180	130	96	40	40.5	2.75
-SSK16-160	1~16	210	160	126	40	40.5	3.05
-SSK16-200	1~16	250	200	166	40	40.5	3.35
-SSK20-130	3~20	180	130	96	48	48.5	-
-SSK20-160	3~20	210	160	126	48	48.5	3.4
-SSK20-200	3~20	250	200	166	48	48.5	-
-SSK25-100	5~25	150	100	96	55	55.5	2.85
-SSK25-130	5~25	180	130	126	55	55.5	-
-SSK25-160	5~25	210	160	166	55	55.5	-

SDC | Pull Back Tool Holder

- SDC tool bar is suitable for high speed precision machining. No nut design, reduce the object interference during processing
- Collet pull back design, easy to operate
- Each SDC cutter sample comes with a wrench
- The maximum speed is 40.000r.p.m.2.5
- SDC06, SDC08 use 5mm hex wrench
- SDC12, SDC16 use 8mm hex wrench

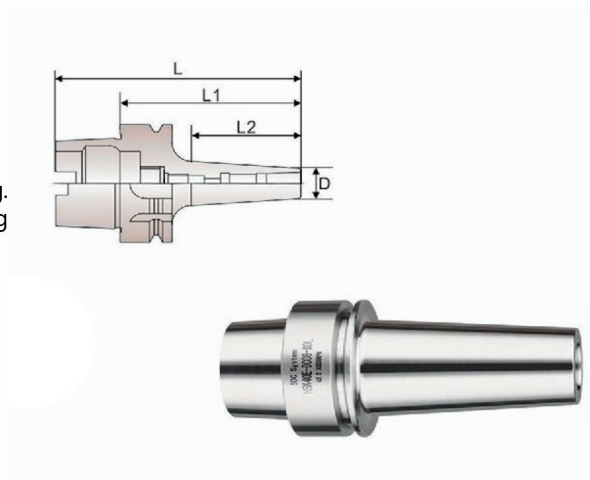


Unit: mm

Model No	Clamping Range	L	L1	L2	D	Weight (kg)
HSK50A-SDC04-60	2~4	85	60	28	12	-
-SDC04-90	2~4	115	90	58	12	-
-SDC04-120	2~4	145	120	88	12	-
-SDC04-150	2~4	175	150	118	12	-
-SDC06-80	2~6	105	80	49	14	-
-SDC06-120	2~6	145	120	89	14	-
-SDC06-150	2~6	175	150	119	14	-
-SDC08-90	2~10	115	90	59	22	-
-SDC08-120	2~10	145	120	89	22	-
-SDC08-150	2~10	175	150	119	22	-
-SDC12-60	3~12	85	60	30	12	-
-SDC12-90	3~12	115	90	60	12	-
-SDC12-120	3~12	145	120	90	12	-
-SDC12-150	3~12	175	150	120	12	-
HSK63A-SDC04-60	2~4	92	62	24	32	-
-SDC04-90	2~4	122	90	54	32	-
-SDC06-60	2~6	92	60	25	14	-
-SDC06-90	2~6	122	90	54	14	-
-SDC06-120	2~6	152	120	84	14	-
-SDC06-150	2~6	182	150	114	14	-
-SDC06-200	2~6	232	200	164	14	-
-SDC06-250	2~6	282	250	214	14	-
-SDC08-60	2~10	92	60	24	22	-
-SDC08-90	2~10	122	90	54	22	-
-SDC08-120	2~10	152	120	84	22	-
-SDC08-150	2~10	182	150	114	22	-
-SDC08-200	2~10	232	200	164	22	-
-SDC08-250	2~10	282	250	214	22	-
-SDC12-90	3~12	122	90	54	32	-
-SDC12-120	3~12	152	120	84	32	-
-SDC12-150	3~12	182	150	114	32	-
-SDC12-200	3~12	232	200	164	32	-
HSK100A-SDC06-90	2~6	140	90	43	14	-
-SDC06-120	2~6	170	120	73	14	-
-SDC06-150	2~6	200	150	103	14	-
-SDC08-90	2~10	140	90	51	22	-
-SDC08-120	2~10	170	120	81	22	-
-SDC08-150	2~10	200	150	111	22	-
-SDC12-90	3~2	140	90	51	32	-
-SDC12-120	3~2	170	120	81	32	-
-SDC12-200	3~2	200	150	111	32	-

SDC | Pull Back Tool Holder

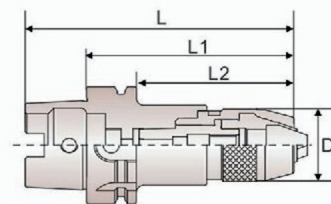
- SDC tool bar is suitable for high speed precision machining. No nut design, reduce the object interference during processing
- Collet pull back design, easy to operate
- Each SDC cutter sample comes with a wrench
- The maximum speed is 40.000r.p.m.2.5
- SDC06, SDC08 use 5mm hex wrench
- SDC12, SDC 16 use 8mm hex wrench



Unit: mm					
Model No	Claming Range	L	L1	D	Weight (kg)
HSK40E-SDC04-60	2~4	80	60	12	-
-SDC04-90	2~4	110	90	12	-
-SDC06-60	2~6	80	60	14	-
-SDC06-70	2~6	90	70	14	-
HSK50E-SDC06-90	2~6	110	90	14	-
-SDC06-120	2~6	140	120	14	-
-SDC08-60	2~10	80	60	22	-
-SDC08-80	2~10	90	80	22	-
-SDC08-90	2~10	110	90	22	-
-SDC08-120	2~10	140	120	22	-
-SDC04-60	2~4	85	60	12	-
-SDC04-90	2~4	115	90	12	-
-SDC06-75	2~6	100	75	14	-
-SDC06-80	2~6	105	80	14	-
-SDC06-120	2~6	145	120	14	-
-SDC08-80	2~10	105	80	22	-
-SDC08-90	2~10	115	90	22	-
HSK63F-SDC06-120	2~10	145	120	22	-
HSK63F-SDC06-80	3~6	80	54	13	-
-SDC06-120	3~6	120	94	13	-
-SDC08-80	3~10	80	954	22	-
-SDC08-120	3~10	120	94	22	-
-SDC12-80	3~12	80	94	34	-
-SDC12-120	3~12	120	94	34	-

APU | Keyless Drill Chuck Tool Holder

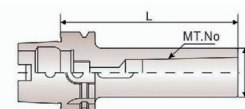
- The APU shank and drill chuck are integrated to prevent the drill bit from falling. Drop or loose during high speed and heavy cutting
- Each APU tool handle has a wrench attached
- The maximum speed is 30.000 r.p.m 2.5



Unit: mm

Model No	Claming Range	L	L1	L2	D	Weight (kg)
HSK50A-APU08-115	1~8	140	115	89	37	0.9
-APU13-135	1~13	160	135	109	50	1.6
-APU16-140	3~16	165	140	114	55	1.8
HSK63A-APU13-140	1~13	172	140	114	50	2.2
-APU13-180	1~13	212	180	154	50	2.5
-APU16-145	3~16	177	145	119	55	2.4
-APU16-180	3~16	302	180	144	55	2.7
HSK100A-APU13-145	1~13	195	145	116	50	2.75
-APU13-180	1~13	220	180	141	50	3.05
-APU16-150	3~16	200	150	121	55	2.85
-APU16-180	3~16	230	180	151	55	3.15

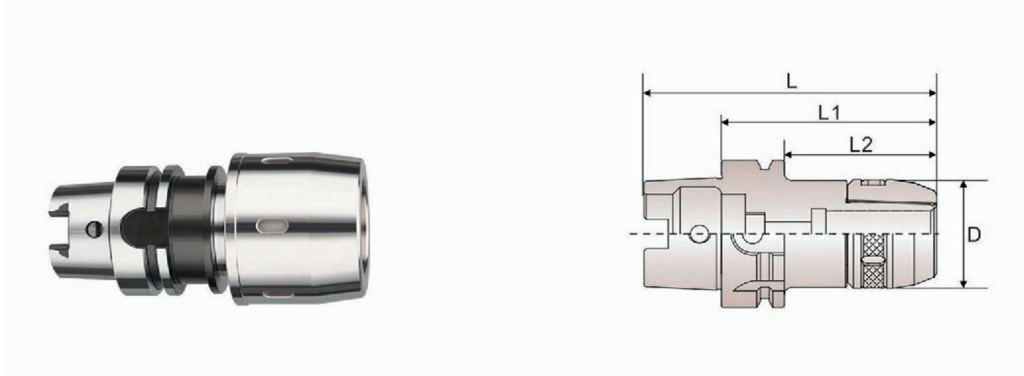
MTA | Morse Taper Tool Holder



Unit: mm

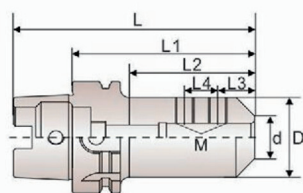
Model No	MT.No	D	L	Weight (kg)
HSK50A-MTA1-100	MTA1	25	100	0.70
MTA2-120	MTA2	32	120	0.9
MTA3-140	MTA3	40	140	1.30
HSK63A-MTA1-100	MTA1	25	100	1.00
MTA2-120	MTA2	32	120	1.20
MTA3-140	MTA3	40	140	1.60
MTA4-160	MTA4	48	160	2.00
HSK100A-MTA1-110	MTA1	25	110	4.20
MTA2-120	MTA2	32	120	4.40
MTA3-150	MTA3	40	150	4.70
MTA4-170	MTA4	48	170	5.50
MTA5-200	MTA5	65	200	6.80

SC | Power Milling Tool Holder



						Unit: mm
Model No	Claming Range	L	L1	L2	D	Weight (kg)
HSK50A-SC20-90	3~20	115	90	64	52	1.2
-SC20-90	3~25	115	90	64	59	1.5
HSK60A-SC20-90	3~20	122	90	64	52	1.5
-SC25-90	3~25	122	90	64	59	1.8
-SC32-105	3~32	137	105	79	69	2.0
-SC32-120	3~32	162	120	94	69	2.3
-SC32-135	3~32	167	135	109	69	2.6
-SC32-165	3~32	197	165	139	69	3.2
HSK100A-SC32-105	3~32	137	105	76	69	3.8
-SC32-120	3~32	162	120	91	69	4.1
-SC32-135	3~32	167	135	106	69	4.4
-SC32-165	3~32	197	165	133	69	5.4
-SC32-200	3~32	232	200	168	69	6.6

SLA | Side Look Arbor Tool Holder



- Suitable for clamping straight shank milling cutter, can be used in general milling processing
- There are 2 screws for holding the milling cutter
- The tool bar itself is equipped with two fixing screws
- Up to 30.000 r.p.m G2.5

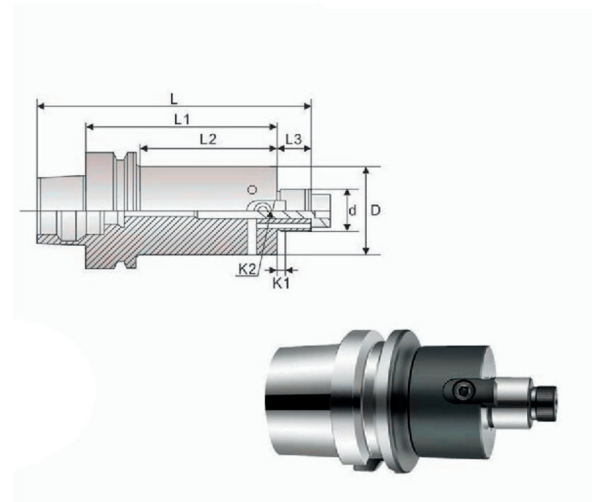


Unit: mm

Model No	L	L1	L2	L3	L4	d	D	M	Weight (kg)
HSK50A-SLA6-65	90	65	36	18	-	6	25	M6	-
-SLA8-65	90	65	36	18	-	8	28	M8	-
-SLA10-65	90	65	36	20	-	10	32	M10	-
-SLA12-80	105	80	54	22	-	12	42	M12	-
-SLA14-80	105	80	54	20	20	14	44	M12	-
-SLA16-80	105	80	54	20	20	16	48	M12	-
-SLA18-80	105	80	54	20	24	18	50	M12	-
-SLA20-80	105	80	54	20	24	20	52	M12	-
HSK63A-SLA6-65	97	65	36	18	-	6	25	M6	0.75
-SLA8-65	97	65	36	18	-	8	28	M6	0.8
-SLA10-65	97	65	36	20	-	10	35	M10	0.9
-SLA12-80	112	80	51	22	-	10	42	M12	1.15
-SLA14-80	112	80	51	20	20	14	44	M12	1.2
-SLA14-100	132	100	71	20	20	14	44	M12	-
-SLA16-80	112	80	52	20	20	16	48	M12	1.3
-SLA16-100	132	100	72	20	20	16	48	M12	-
-SLA18-80	112	80	54	20	20	18	50	M12	-
-SLA18-100	132	100	74	20	20	18	50	M12	-
-SLA20-80	112	80	54	20	25	20	52	M16	-
-SLA20-100	132	100	74	20	25	20	52	M16	1.65
-SLA25-110	14	110	84	22	25	25	57	M16	1.9
-SLA25-160	192	160	134	22	25	25	57	M16	-
-SLA32-110	142	110	84	22	25	32	63	M16	2
-SLA32-160	192	160	134	22	25	32	63	M16	-
-SLA40-125	157	125	99	25	32	40	72	M16	2.1
HSK100A-SLA16-100	150	100	66	20	20	16	48	M12	-
-SLA16-160	210	160	126	20	20	16	48	M12	-
-SLA18-100	150	100	66	20	20	18	50	M12	-
-SLA18-160	210	160	126	20	20	18	50	M12	-
-SLA20-100	150	100	66	20	25	20	52	M16	2.95
-SLA20-160	210	160	126	20	25	20	52	M16	3.85
-SLA25-100	150	100	66	22	25	25	57	M16	3.1
-SLA25-160	210	160	126	22	25	25	57	M16	4.1
-SLA32-100	15	100	66	22	25	32	63	M16	3.25
-SLA32-160	210	160	126	22	25	32	63	M16	4.45
-SLA40-115	165	115	82	25	32	40	72	M16	2.2
-SLA40-160	210	160	127	25	32	40	72	M16	5
-SLA50-120	170	120	91	30	35	50	90	M16	-
-SLA50-160	210	160	131	30	35	50	90	M16	-

FMB | Face Milling Tool holder

- Each FMA/FMB face milling cutter bar is equipped with screws and lugs for mounting face milling cutters
- Face milling cutters are purchased separately
- There are also production of flat milling rod - elongated type, can be asked separately
- Up to 30.000 r.p.m G2.5
- Tailor-made surface milling cutter shank

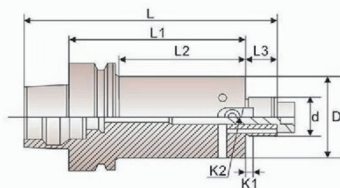


Unit: mm

Model No	L	L1	L2	L3	d	D	K1	K2	Weight (kg)
HSK63F-FMB16-50	92	50	21	17	16	38	3.8	8	-
-FMB16-100	142	100	71	17	16	38	3.8	8	-
-FMB22-50	93	50	22	18	22	48	4.8	10	-
-FMB22-100	143	100	72	18	22	48	4.8	10	-
-FMB22-150	193	150	122	18	22	48	4.8	10	-
-FMB27-60	95	60	34	20	27	60	5.8	12	-
-FMB27-100	145	100	72	20	27	60	5.8	12	-
-FMB27-150	195	150	124	20	27	60	5.8	12	-

FMB | Face Milling Tool holder

- Each FMA/FMB face milling cutter bar is equipped with screws and lugs for mounting face milling cutters
- Face milling cutters are purchased separately
- There are also production of flat milling rod - elongated type, can be asked separately
- Up to 30.000 r.p.m G2.5
- Tailor-made surface milling cutter shank

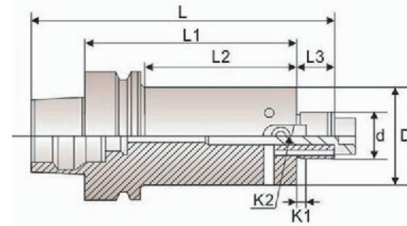


Unit: mm

Model No	L	L1	L2	L3	d	D	K1	K2	Weight (kg)
HSK40A-FMB16C-50	87	50	30	17	16	38	3.8	8	-
-FMB22C-60	98	60	40	18	22	48	4.8	10	-
-FMB27C-60	100	60	40	20	27	60	5.8	12	-
HSK50A-FMB16C-50	92	50	24	16	16	38	3.8	8	0.55
-FMB22C-55	98	55	29	18	22	48	4.8	10	0.8
-FMB22C-60	105	60	34	20	27	60	5.8	12	1.05
HSK63A-FMB16C-50	99	50	21	16	16	38	3.8	8	0.85
-FMB16C-100	149	100	71	16	16	38	3.8	8	1.25
-FMB16C-160	209	160	131	16	16	38	3.8	8	1.75
-FMB22C-50	100	50	22	18	22	38	4.8	10	1
-FMB22C-100	150	100	72	18	22	48	4.8	10	1.55
-FMB22C-160	210	160	132	18	22	48	4.8	10	2.5
-FMB22C-200	250	200	172	18	22	48	4.8	10	3.15
-FMB22C-250	300	250	222	18	22	48	4.8	10	3.8
-FMB22C-300	350	330	272	18	22	48	4.8	10	4.45
-FMB27C-60	112	60	34	20	27	60	5.8	12	1.4
-FMB27C-100	152	100	74	20	27	60	5.8	12	2.25
-FMB27C-130	182	130	104	20	27	60	5.8	12	2.95
-FMB27C-160	212	160	134	20	27	60	5.8	12	3.6
-FMB32C-60	114	60	34	22	32	70	6.8	14	1.45
-FMB32C-100	154	100	74	22	32	70	6.8	14	2.45
-FMB32C-130	184	130	104	22	32	70	6.8	14	3.4
-FMB32C-160	214	160	134	22	32	70	6.8	14	4.3
-FMB40C-60	117	60	34	25	40	80	6.8	14	2.2
-FMB40C-100	157	100	74	25	40	80	6.8	14	3.4
-FMB40C-160	217	160	134	25	40	80	6.8	14	4.3
HSK100A-FMB16C-50	117	50	16	17	16	38	3.8	8	1.2
-FMB16C-100	167	100	66	17	16	38	3.8	8	2.1
-FMB16C-160	227	160	126	17	16	38	3.8	8	2.8
-FMB22C-60-D48	110	160	26	18	22	48	4.8	10	2.5
-FMB22C-100-D48	150	100	66	18	22	48	4.8	10	3
-FMB22C-130-D48	180	130	96	18	22	48	4.8	10	3.4
-FMB22C-160-D48	210	160	126	18	22	48	4.8	10	3.8
-FMB22C-200-D48	250	200	166	18	22	48	4.8	10	4.35
-FMB22C-250-D48	300	250	216	18	22	48	4.8	10	-
-FMB22C-300-D48	350	300	266	18	22	48	4.8	10	5.65
-FMB22C-350-D48	400	350	366	18	22	48	4.8	10	-
-FMB22C-400-D48	450	400	416	18	22	48	4.8	10	-
-FMB22C-450-D48	500	450	26	18	22	48	4.8	10	2.2

FMB | Face Milling Tool holder

- Each FMA/FMB face milling cutter bar is equipped with screws and lugs for mounting face milling cutters
- Face milling cutters are purchased separately
- There are also production of flat milling rod - elongated type, can be asked separately
- Up to 30.000 r.p.m G2.5
- Tailor-made surface milling cutter shank

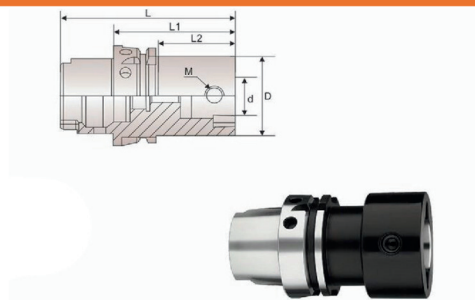


Unit: mm

Model No	L	L1	L2	L3	d	D	K1	K2	Weight (kg)
HSK100A-FMB22C-130-D60	180	130	96	18	22	60	4.8	10	3.4
-FMB22C-160-D60	210	160	126	18	22	60	4.8	10	3.8
-FMB22C-200-D60	250	200	166	18	22	60	4.8	10	4.7
-FMB22C-250-D60	300	250	216	18	22	60	4.8	10	5.3
-FMB22C-300-D60	350	300	266	18	22	60	4.8	10	6.2
-FMB22C-350-D60	400	350	316	18	22	60	4.8	10	4.7
-FMB22C-400-D60	450	400	366	18	22	60	4.8	10	5.3
-FMB22C-450-D60	500	450	416	18	22	60	4.8	10	6.2
-FMB27C-60	130	60	26	20	27	60	5.8	12	2.8
-FMB27C-100	170	100	66	20	27	60	5.8	12	3.55
-FMB27C-130	200	130	96	20	27	60	5.8	12	4.3
-FMB27C-160	230	160	126	20	27	60	5.8	12	4.85
-FMB27C-200	270	200	166	20	27	60	5.8	12	5.5
-FMB27C-250	320	250	216	20	27	60	5.8	12	6.6
-FMB27C-300	370	300	266	20	27	60	5.8	12	7.8
-FMB32C-60	132	60	26	22	32	70	6.8	14	3.5
-FMB32C-100	172	100	66	22	32	70	6.8	14	4.35
-FMB32C-130	202	130	96	22	32	70	6.8	14	5.1
-FMB32C-160	232	160	126	22	32	70	6.8	14	5.9
-FMB32C-200	272	200	166	22	32	70	6.8	14	7.1
-FMB32C-250	322	250	216	22	32	70	6.8	14	8.5
-FMB32C-300	372	300	266	22	32	70	6.8	14	10
-FMB40C-60	135	60	26	25	40	80	8.3	16	4
-FMB40C-100	175	100	66	25	40	80	8.3	16	5.15
-FMB40C-130	205	130	96	25	40	80	8.3	16	5.9
-FMB40C-160	235	160	126	25	40	80	8.3	16	6.7
-FMB40C-200	275	200	166	25	40	80	8.3	16	7.9
-FMB40FC-60	135	60	31	25	40	100	8.3	16	
-FMB40FC-100	175	100	71	25	40	100	8.3	16	
-FMB40FC-150	225	150	121	25	40	100	8.3	16	
-FMB40FC-200	275	200	171	25	40	100	8.3	16	
-FMB60FC-75	150	75	46	25	60	128	12.5	24.5	
-FMB60FC-100	175	100	71	25	60	128	12.5	24.5	
-FMB60FC-150	225	150	121	25	60	128	12.5	24.5	
-FMB60FC-200	275	200	171	25	60	128	12.5	24.5	

LBK | Boring Head Shank Tool holder

- The standard tool handle has a central outlet function, and it is a common tool bar for rough boring and fine boring
- Rough boring with RBH rough boring head; Fine boring with EWN fine boring head
- Boring head and blade are purchased separately



Unit: mm

Model No	L	L1	L2	d	D	M	Weight (kg)
HSK50A-LBK1-70	95	70	40	11	19	M4*0.5	0.45
-LBK2-80	105	80	50	14	21	M5*0.5	0.5
-LBK3-80	105	80	51	18	31	M6*0.75	-
-LBK4-70	95	70	43	22	39	M8*0.75	0.7
-LBK5-70	95	70	44	28	50	M10*1	-
-LBK6-90	115	90	64	36	63	M12*1	1.4
HSK63A-LBK1-75	112	80	43	11	19	M4*0.5	0.7
-LBK1-105	137	105	73	11	19	M4*0.5	0.75
-LBK2-85	117	85	55	14	24	M5*0.5	0.8
-LBK2-100	132	100	70	14	24	M5*0.5	0.85
-LBK2-125	157	125	95	14	24	M5*0.5	0.95
-LBK3-95	127	95	65	18	31	M6*0.75	0.95
-LBK3-125	157	125	95	18	31	M6*0.75	1.15
-LBK3-160	192	160	130	18	31	M6*0.75	1.35
-LBK4-85	117	85	56	22	39	M6*0.75	1.1
-LBK4-135	167	135	106	22	39	M6*0.75	1.55
-LBK4-175	207	175	146	22	39	M6*0.75	1.9
-LBK5-75	107	75	49	28	50	M10*1	1.2
-LBK5-130	162	130	104	28	50	M10*1	2.05
-LBK5-175	207	175	149	28	50	M10*1	2.7
-LBK6-70	102	70	44	36	63	M12*1	1.15
-LBK6-115	147	115	89	36	63	M12*1	2.25
-LBK6-165	197	165	139	36	63	M12*1	3.45
HSK100A-LBK1-115	165	115	74	11	19	M4*0.5	2.2
-LBK1-145	195	145	104	11	19	M4*0.5	2.25
-LBK2-115	165	115	74	14	24	M5*0.5	2.3
-LBK2-155	208	155	114	14	24	M5*0.5	2.4
-LBK3-125	175	125	90	18	31	M6*0.75	2.45
-LBK3-165	215	165	103	18	31	M6*0.75	2.7
-LBK4-115	165	115	80	22	39	M8*0.75	2.65
-LBK4-145	195	145	110	22	39	M8*0.75	2.9
-LBK4-180	230	180	145	22	39	M8*0.75	3.1
-LBK5-110	160	110	76	28	50	M10*1	3
-LBK5-140	190	140	106	28	50	M10*1	3.45
-LBK5-180	230	180	146	28	50	M10*1	4.1
-LBK5-240	290	240	206	28	50	M10*1	4.9
-LBK6-75	125	75	41	36	63	M12*1	2.8
-LBK6-125	175	125	91	36	63	M12*1	3.9
-LBK6-175	225	175	141	36	63	M12*1	4.95
-LBK6-230	280	230	196	36	63	M12*1	6.15
-LBK6-290	340	290	256	36	63	M12*1	7.55

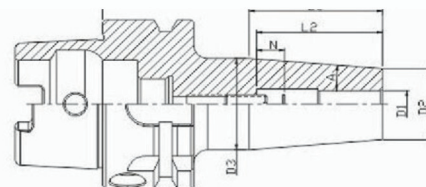
TTP | Torque Compensating Tapping Tool Holder



Unit: mm

Model No	Champing Range	Collet	D		L1	
HSK63-TTP1A-135	M3-M14	TC312	45	1.77	135	5.30
HSK63-TTP2A-155	M8-M22	TC820	63	2.48	155	6.10
HSK63-TTP3A-220	M16-M38	TC1433	98	3.85	220	8.66
HSK100A-TTP1A-135	M3-M14	TC312	45	1.77	135	5.30
HSK100A-TTP2A-160	M8-M22	TC820	63	2.48	160	6.30
HSK100A-TTP3A-205	M16-M38	TC1433	98	3.85	205	8.00

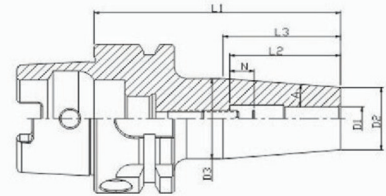
HSK | Heat shrink tool holder



Unit: mm

	D1	D2	D3	L1	L2	L3	N	A
HSK50A-SR04-80TRN	4	15	20	80	/	31	/	4.5°
HSK50A-SR04-120TRN	4	15	20	120	/	31	/	4.5°
HSK50A-SR06-80TRN	6	21	27	80	/	38	/	4.5°
HSK50A-SR06-120TRN	6	21	27	120	/	38	/	4.5°
HSK50A-SR08-80TRN	8	21	27	80	45	38	18	4.5°
HSK50A-SR08-120TRN	8	21	27	120	45	38	18	4.5°
HSK50A-SR10-85TRN	10	24	32	85	52	50	20	4.5°
HSK50A-SR10-120TRN	10	24	32	120	52	50	20	4.5°
HSK50A-SR12-90TRN	12	24	32	90	60	50	28	4.5°
HSK50A-SR12-120TRN	12	24	32	120	60	50	28	4.5°
HSK50A-SR14-90TRN	14	27	34	90	60	44	24	4.5°
HSK50A-SR14-120TRN	14	27	34	120	60	44	24	4.5°
HSK50A-SR16-95TRN	16	27	34	95	65	44	25	4.5°
HSK50A-SR16-120TRN	16	27	34	120	65	44	25	4.5°
HSK50A-SR18-95TRN	18	33	42	95	65	57	25	4.5°
HSK50A-SR18-120TRN	18	33	42	100	65	57	25	4.5°

HSK | Heat shrink tool holder



Unit: mm

	D1	D2	D3	L1	L2	L3	N	A
HSK63A-SR04-80TRN	4	15	20	80	/	31	/	4.5°
HSK63A-SR04-160TRN	4	15	25	160	/	63	/	4.5°
HSK63A-SR06-80TRN	6	21	27	80	/	38	/	4.5°
HSK63A-SR06-120TRN	6	21	27	120	/	38	/	4.5°
HSK63A-SR06-160TRN	6	21	32	160	/	69	/	4.5°
HSK63A-SR08-80TRN	8	21	27	80	45	38	18	4.5°
HSK63A-SR08-120TRN	8	21	27	120	45	38	18	4.5°
HSK63A-SR08-160TRN	8	21	32	160	45	69	18	4.5°
HSK63A-SR10-85TRN	10	24	32	85	52	50	20	4.5°
HSK63A-SR10-120TRN	10	24	32	120	52	50	20	4.5°
HSK63A-SR10-160TRN	10	24	34	160	52	63	20	4.5°
HSK63A-SR12-90TRN	12	24	32	90	60	50	28	4.5°
HSK63A-SR12-120TRN	12	24	32	120	60	50	28	4.5°
HSK63A-SR12-160TRN	12	24	34	160	60	63	28	4.5°
HSK63A-SR14-90TRN	14	27	34	90	60	44	24	4.5°
HSK63A-SR14-120TRN	14	27	34	120	60	44	24	4.5°
HSK63A-SR14-160TRN	14	27	42	160	60	95	24	4.5°
HSK63A-SR16-95TRN	16	27	34	95	65	44	25	4.5°
HSK63A-SR16-120TRN	16	27	34	120	65	44	25	4.5°
HSK63A-SR16-160TRN	16	27	42	160	65	95	25	4.5°
HSK63A-SR18-95TRN	18	33	42	95	65	57	25	4.5°
HSK63A-SR18-120TRN	18	33	42	120	65	57	25	4.5°
HSK63A-SR18-160TRN	18	33	51	160	65	114	25	4.5°
HSK50A-SR20-100TRN	20	33	42	100	65	57	25	4.5°
HSK63A-SR20-120TRN	20	33	42	120	65	57	25	4.5°
HSK63A-SR20-160TRN	20	33	51	160	65	114	25	4.5°



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ TLT
THẾ GIỚI CƠ KHÍ CHÍNH XÁC
TẤT CẢ NHỮNG GÌ BẠN CẦN CHO GIA CÔNG CƠ KHÍ

TLT TECHNOLOGY GROUP
PRECISION MECHANICAL WORLD
EVERYTHING YOU NEED FOR MECHANICAL PROCESSING

Trụ sở TLT

280 Bến Than, Xã Bình Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh

TLT Head Office

280 Ben Than, Binh My Commune, Ho Chi Minh City

Chi nhánh TLT – Hà Nội

Km6 Võ Văn Kiệt, Xã Phúc Thịnh, Thủ đô Hà Nội

TLT Brand – Ha Noi

Km6 Vo Van Kiet, Phuc Thinh Commune, Hanoi Capital

Chi nhánh TLT – Hồ Chí Minh

197 Võ Văn Bích, Xã Phú Hòa Đông, Tp. Hồ Chí Minh

TLT Brand – Ho Chi Minh

197 Vo Van Bich, Phu Hoa Dong Commune, Ho Chi Minh City

Chi nhánh TLT – Ninh Bình

Km 101 QL10 Hồng Phúc, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình

TLT Brand – Ninh Bình

Km 101 National Highway 10, Hong Phuc Ward, Thien Truong Commune, Ninh Binh Province



Hotline: 1900.98.99.06



Website: tulocotech.com